

- Tỷ lệ HGD sử dụng nhà tiêu hai ngăn HVS 23,5%, nhà tiêu chìm có ống thông hơi HVS 100%, nhà tiêu thấm dội nước HVS 64,4%, nhà tiêu tự hoại HVS 25%.

#### **KHUYẾN NGHỊ**

Tăng cường thông tin, giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân về những lợi ích của việc sử dụng nhà tiêu.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **Hoàng Thị Thu Hà** (2012). Thực trạng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình và các yếu tố ảnh hưởng tại hai xã của tỉnh Thái Nguyên và Hà Nam năm 2011, Luận văn Thạc sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.

2. **Trần Thị Thanh Huệ** (2009). Kiến thức thực hành về xây dựng, sử dụng bảo quản, xử lý phân người và một số yếu tố liên quan tại xã bình Kiều, huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên

năm 2009, Luận văn Thạc sĩ Y học, Trường Đại học Y tế Công cộng.

3. **Ngô Thị Nhu** (2010). Thực trạng nhà tiêu hộ gia đình, nhận thức, thực hành của người dân về bảo quản và sử dụng nhà tiêu tại ba xã huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình năm 2009, Tạp chí Y học thực hành, (11/741), tr.25 - 28

4. **Lê Văn Thái** (2014). Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng nhà tiêu của người nông tại hai xã Thượng Nung và Tràng Xá huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên, Chuyên đề tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa I, chuyên ngành Y tế Công cộng, Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

5. **Hoàng Anh Tuấn, Đàm Khải Hoàn** (2014). Hiệu quả can thiệp về vệ sinh môi trường của người Dao tại các xã đặc biệt khó khăn huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên, Tạp chí Y học thực hành (924), số 7/2014, tr.58 - 62.

## **MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN KỸ NĂNG Y KHOA ĐỐI VỚI SINH VIÊN Y KHOA, TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

**ĐẶNG THANH HỒNG<sup>1</sup>, VŨ THỊ PHƯƠNG ANH<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

<sup>2</sup>*Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

#### **TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Giảng dạy kỹ năng y khoa trên các mô hình, các điều kiện mô phỏng thực tế cho sinh viên (SV) tiếp cận trước khi thực hiện trực tiếp trên bệnh nhân tại các bệnh viện thực hành là một bước tiến rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Người bệnh nhờ đó cũng sẽ cảm thấy hài lòng hơn khi tiếp xúc với SV y khoa và vấn đề y đức trong lĩnh vực y tế càng được nâng cao hơn. Đồng thời tăng mức độ an toàn cho sinh viên trước khi đi thực hành tại bệnh viện.

**Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định mức độ đáp ứng của chương trình huấn luyện kỹ năng y khoa (CTHLKKNYK).

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Toàn bộ SV y khoa hệ chính quy năm thứ năm và thứ sáu đang học trong năm 2010 - 2011 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

**Phương pháp mô tả cắt ngang có phân tích** trong 09 tháng từ tháng 10/2009 đến 06/2010.

**Kết quả:** Khảo sát 462 SV Y5 và Y6 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; trong đó, nam giới có 253 sinh viên, nữ giới là 209 sinh viên, 227 sinh viên Y5, 235 sinh viên Y6. Giá trị trung bình khác biệt bằng  $3,67 > 1$ , cho thấy năng lực của sinh viên với chương trình HCLKKNYK đáp ứng cao ở ngưỡng 75%. Năng lực học tập kỹ năng y khoa của SV Y5 và Y6 đều đáp ứng ở mức cao 86,6-86,7%. Sinh viên Y5 và Y6 đều có cảm nhận tốt về chương trình HCLKKNYK với giá trị trung bình khác biệt của sinh viên Y5 và Y6 là 1,25 ( $p_{Y5} = 0,021 < 0,05$ ) và 2,51 ( $p_{Y6} < 0,001$ ). SV Y5 và Y6 có cảm nhận tốt ở mức độ đáp ứng cao về năng lực học tập kỹ năng y khoa.

**Kết luận:** Mức độ đáp ứng của SV đối với CTHLKKNYK cao với  $p < 0,001$ , mức độ đáp ứng này có mối liên quan với sự cảm nhận của SV.

**Từ khóa:** Mức độ đáp ứng, chương trình huấn luyện kỹ năng y khoa.

#### **SUMMARY**

**RESPONSIBILITY OF MEDICAL SKILLS TRAINING PROGRAM THROUGH MEDICAL STUDENTS IN CAN THO UNIVERSITY OF MEDICAL AND PHARMACY**

**Background:** Teaching medical skills on

Chịu trách nhiệm: Đặng Thanh Hồng

Email: thanhhong7a9@yahoo.com

Ngày nhận: 08/3/2021

Ngày phản biện: 06/4/2021

Ngày duyệt bài: 21/4/2021

models, realistic simulation conditions for students to approach before performing directly on patients at practice hospitals is a very important in training. As a result, patients will also feel more satisfied when interacting with medical students and ethical issues in the medical field will be further enhanced. At the same time increase the level of safety for students before going to practice at the hospital. Objectives: Determine the responsiveness of the medical skills training program (MSTP).

**Material and methods:** All fifth and sixth year full-time medical students (MS) studying in 2010-2011 at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. Cross-sectional method was analyzed for 9 months from October 2009 to June 2010.

**Results:** Survey of 462 MS5 and MS6 students of Can Tho University of Medicine and Pharmacy, in which, there are 253 male students, 209 female students, 227 MS5 students, 235 MS6 students. The mean difference is  $3.67 > 1$ , showing that the ability of students with the MSTP is high at 75%. The ability to learn medical skills of MS5 and MS6 both responded at a high level of 86.6 - 86.7%. Both MS5 and MS6 have a good feeling about the MSTP with the mean difference of MS5 and MS6 being 1.25 ( $pMS5 = 0.021 < 0.05$ ) and 2.51 ( $pMS6 < 0.001$ ). MS5 and MS6 have a good perception of the high responsiveness in their ability to learn medical skills.

**Conclusion:** The response level of students to MSTP is high with  $p < 0.001$ , this level of response is related to the perception of students.

**Keywords:** Responsiveness, medical skills training program.

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Lượng giá kỹ năng SV đóng vai trò quan trọng đào tạo y khoa [2] và lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp sẽ càng làm tăng tính thích ứng hơn [5]. Công tác đánh giá hiệu quả của CTHLKNYK được nhiều nước trên thế giới thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo chuyên môn khám chữa bệnh. Theo Mohammad, 70% SV không được dạy đủ kỹ năng lâm sàng cho việc thực hành bệnh viện, chỉ 33,3% SV được trang bị đủ kiến thức và kỹ năng trước khi bước vào thực hành tại bệnh viện [8]. Lilach Eyal và Robert Cohen cho thấy có 40% SV không được trang bị đủ kỹ năng lâm sàng, 50% SV đáp ứng được 26/36 kỹ năng lâm sàng quan trọng và chỉ có 33% SV được trang bị đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ và những giá trị cần thiết trước khi thi tốt nghiệp 4. The8o Al-Jishi, SV đánh giá cao các kỹ năng y khoa nhận được từ đơn vị huấn luyện kỹ năng y khoa, điều này giúp họ có được mối quan hệ tốt với bệnh nhân và cải thiện được các kỹ

năng thăm khám. Sinh viên cho rằng kỹ năng hỏi bệnh chưa được đáp ứng đủ, những phản hồi giữa họ và giảng viên chưa thực sự hiệu quả và còn có sự giới hạn. Nghiên cứu đưa ra các ý kiến của SV chỉ ra được những điểm mạnh và những điểm cần phải cải thiện trong quá trình đào tạo kỹ năng y khoa [1]. Nghiên cứu về nhận thức của bác sỹ thực hành về các mục tiêu học tập tại 8 trường y khoa Việt Nam của Lưu Ngọc Hoạt và Đỗ Văn Dũng cho thấy số lượng và mức độ các kỹ năng mà họ được học đều không thành thạo. Những đóng góp, nhận xét của các bác sĩ tốt nghiệp về chương trình huấn luyện kỹ năng là cơ sở để xây dựng mục tiêu học tập cho SV y khoa [7]. Có các kỹ năng đối với GV được cho là quan trọng, nhưng đối với bác sỹ khi thực hành thì có thể không hoặc hiếm khi vận dụng [6]. Theo Đoàn Thị Tuyết Ngân, SV năm thứ 3 và thứ 5 có nhận thức tích cực hơn SV năm thứ 4. Đặc biệt, SV răng hàm mặt năm thứ 5 có nhận thức tích cực và cho thang điểm đánh giá chương trình kỹ năng y khoa cao hơn sinh viên y khoa cùng khóa.

Mức độ đáp ứng chương trình HLKKNYK bao gồm năng lực học tập của sinh viên và một số yếu tố đặc điểm cá nhân ảnh hưởng đến khả năng học tập kỹ năng y khoa, sử dụng kỹ năng y khoa thành thạo và đáp ứng hiệu quả nhu cầu đào tạo và thực hành chuyên môn tại bệnh viện đạt kết quả cao, giúp SV mới vào trường xác định những suy nghĩ đúng đắn cùng với sự phát triển các kỹ năng một cách gắn bó hơn, sự tác động qua lại giữa lý thuyết và thực hành [3].

Từ những nghiên cứu trong nước và trên thế giới, tại Việt Nam việc đánh giá vấn đề này chưa được thực hiện nên chúng tôi thực hiện nghiên cứu “Đánh giá mức độ đáp ứng của chương trình huấn luyện kỹ năng y khoa đối với sinh viên y khoa, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ” nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng y khoa.

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Đối tượng nghiên cứu**

Toàn bộ sinh viên y khoa hệ chính quy năm thứ năm (Y5) và thứ sáu (Y6) đang học trong năm 2010 - 2011 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (từ tháng 10/2009 đến 06/2010).

Tiêu chuẩn chọn mẫu

Đối tượng nghiên cứu là 462 sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thuộc ngành y khoa, trong đó sinh viên Y5 là 227 người, sinh viên Y6 là 235 người.

Tiêu chuẩn loại trừ

Sinh viên ngừng tiến độ học tập do vi phạm quy chế.

Sinh viên bảo lưu kết quả học tập năm học

2010 - 2011 vì lý do cá nhân.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp định lượng.

- Cơ mẫu: Chọn mẫu toàn bộ.

- Nội dung nghiên cứu:

Đánh giá mức độ đáp ứng của chương trình HLKKNYK đối với việc thực hành tại bệnh viện của sinh viên y khoa và ảnh hưởng cảm nhận của sinh viên đến mức độ đáp ứng này bằng phiếu thu thập được thiết kế sẵn.

Đặc điểm chung của sinh viên: Lớp, giới tính, độ tuổi, học lực.

Đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên với chương trình HLKKNYK thông qua: năng lực học tập kỹ năng y khoa, mức độ cảm nhận của sinh viên về chương trình HLKKNYK, liên hệ giữa cảm nhận của sinh viên với năng lực thực hiện kỹ năng y khoa của sinh viên.

Bảng hỏi gồm 41 câu với thang đo 4 mức đã được tham vấn ý kiến với các chuyên gia về huấn luyện kỹ năng trong việc xây dựng bảng hỏi điều tra, bổ sung các vấn đề cần nghiên cứu.

Mức độ thể hiện năng lực của SV đối với chương trình HLKKNYK được tạo thành dựa theo mức độ thể hiện năng lực của 4 nhóm kỹ năng sau:

- \* Năng lực của SV đối với KNGT
- \* Năng lực của SV đối với KNTK
- \* Năng lực của SV đối với KNNT
- \* Năng lực của SV đối với KNXN

Các mức độ trả lời được thực hiện theo thang đo từ 1 đến 4 (1-Hoàn toàn không đồng ý, 2-Thiên về không đồng ý, 3-Đồng ý một phần, 4-Hoàn toàn đồng ý). Các câu hỏi về năng lực thực hành kỹ năng của SV bao hàm luôn cả bốn nhóm kỹ năng trên. Mức độ thể hiện năng lực của từng loại kỹ năng được tính bằng trung bình cộng các câu trả lời quy ước theo từng nhóm. Mức độ đáp ứng của chương trình HLKKNYK được đánh giá dựa trên năng lực học tập của sinh viên.

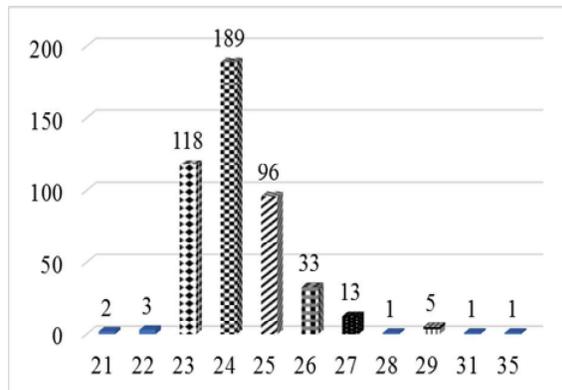
Thu thập và phân tích số liệu: Thu thập thông tin trực tiếp bằng cách phát cho SV phiếu điều tra để SV tự điền câu trả lời. Nguyên tắc nghiên cứu đảm bảo tính bảo mật đối với người tham gia trả lời, tuân thủ y đức trong suốt quá trình điều tra. Số liệu được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 18.0.

## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 1. Đặc điểm giới tính

Sinh viên	Nam	Nữ
Y5	55,9%	44,1%
Y6	53,6%	46,4%

Nhận xét: Giới tính nam chiếm nhiều hơn giới tính nữ ở hai đối tượng Y5, Y6.



Hình 1. Phân bố độ tuổi sinh viên

Nhận xét: Độ tuổi phân bố nhiều từ 23 - 25 tuổi.

Bảng 2. Phân bố học lực sinh viên

Sinh viên	Giỏi	Khá	Trung bình
Y5	7,0%	64,3%	28,7%
Y6	5,5%	63,8%	30,7%

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên khá chiếm cao nhất, y5 chiếm 64,3%, y6 chiếm 63,8%.

Bảng 3. Biểu hiện mức độ năng lực của sinh viên đối với chương trình huấn luyện kỹ năng y khoa

Sinh viên	Trung bình khác biệt	p	p
Y5	3,25 (2,68 - 3,81)	<0,001	0,031
Y6	4,08 (3,57 - 4,59)	<0,001	
Toàn bộ	3,67 (3,29 - 4,05)	<0,001	

Nhận xét:  $p = 0,031 < 0,05$  cho thấy có sự khác biệt về ảnh hưởng của hai nhóm SV Y5 và Y6 với mức độ năng lực đáp ứng CTHLKNYK

Bảng 4. Mức độ đáp ứng sinh viên với năng lực học tập kỹ năng y khoa

Yếu tố	Năng lực học tập kỹ năng y khoa		p
	Đáp ứng thấp	Đáp ứng cao	
SV Y5	30 (13,4%)	194 (86,6%)	0,978
SV Y6	31 (13,3%)	202 (86,7%)	
Toàn bộ	61 (13,3%)	396 (86,7%)	

Nhận xét: SV Y5 và Y6 đều đáp ứng cao năng lực học tập kỹ năng y khoa ở mức 86,6 - 86,7%, tỷ lệ này cũng tương đương với mức độ đáp ứng cao chung toàn bộ là 86,7%.

Bảng 5. Mức độ cảm nhận của sinh viên Y5 và Y6

Sinh viên	Trung bình khác biệt	p	p
Y5	1,25 (0,19 - 2,31)	< 0,02	0,085
Y6	2,51 (1,53 - 3,50)	< 0,001	
Toàn bộ	1,89 (1,17 - 2,61)	< 0,001	

Nhận xét:  $P_{Y5} = 0,021 < 0,05$  và  $P_{Y6} < 0,001$  nên cả hai đối tượng Y5 và Y6 đều có mức độ cảm nhận tốt về kỹ năng y khoa và mức độ cảm nhận này có ý nghĩa thống kê.

Bảng 6. Mức độ cảm nhận sinh viên theo năm học

Yếu tố	Cảm nhận của sinh viên		p
	Không tốt	Tốt	
SV Y5	85 (37,4%)	142 (62,6%)	0,505
SV Y6	81 (34,5%)	154 (65,5%)	
Toàn bộ	166 (35,9%)	296 (64,1%)	

Nhận xét: Mức độ cảm nhận tốt của SV Y5 và Y6 về năng lực học tập kỹ năng y khoa dao động trong khoảng 62,6 - 65,5%, trong khi đó mức độ cảm nhận tốt của toàn bộ SV là 64,1%.

Bảng 7. Mối liên hệ giữa cảm nhận và năng lực

Mối liên hệ các yếu tố		Năng lực học tập kỹ năng		p
		Đáp ứng thấp	Đáp ứng cao	
Cảm nhận của sinh viên	Không tốt	25 (15,2%)	139 (84,8%)	0,373
	Tốt	36 (12,3%)	257 (87,7%)	
Toàn bộ		61 (13,3%)	396 (86,7%)	

Nhận xét: SV có cảm nhận tốt hay không tốt đều cho mức độ đáp ứng cao khoảng 84,8% đến 87,7% về năng lực học tập kỹ năng y khoa.

#### BÀN LUẬN

Trong thời gian nghiên cứu chúng tôi khảo sát 462 sinh viên y khoa năm thứ 5 và thứ 6 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, trong đó sinh viên nam có 253 người, nhiều hơn sinh viên nữ với 209 người. Sinh viên Y5 chiếm 227, Y6 chiếm 235, số lượng sinh viên tương đối đều nhau. Điều này do khách quan theo chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được Bộ Giáo dục và Đào tạo phân bổ.

Độ tuổi sinh viên thấp nhất là 21 tuổi, cao nhất là 35 tuổi, phân bố chủ yếu từ 23 đến 26 tuổi chiếm tỷ lệ 94,37%. Độ tuổi này thể hiện sinh viên học y khoa phù hợp độ tuổi theo tiến độ học tập, giúp cho việc tiếp nhận kiến thức y khoa đạt hiệu quả.

Chương trình HLKINYK giúp cho SV có được các kỹ năng cần thiết về hỏi bệnh, thăm khám, điều trị trước khi trực tiếp tiếp xúc với người bệnh. Chương trình này chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình đào tạo y khoa [2], giúp giảng dạy cho SV đến khi kết thúc năm thứ 4 với các kỹ năng: kỹ năng hỏi bệnh, KNTK, kỹ năng thực hiện một thao tác kỹ thuật, KNXN, các kỹ năng đóng vai trò quan trọng trong công việc hàng ngày của một người bác sĩ [4].

Năng lực thực hành của chương trình HLKINYK của sinh viên đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động đào tạo y khoa. Đây chính là biểu hiện mức độ đáp ứng với chương trình HLKINYK, một phần trong chương trình đào tạo y khoa. Ngoài ra, SV còn phải có sự đáp ứng

phù hợp với chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa trong suốt thời gian đào tạo, đây chính là cốt lõi, là sự cần thiết của một quá trình đào tạo y khoa nhằm tạo ra những cán bộ y tế đáp ứng mục tiêu chăm sóc, điều trị và nghiên cứu trong lĩnh vực y tế.

Với ngưỡng đo năng lực 75%, mức độ năng lực của sinh viên đối với chương trình huấn luyện kỹ năng y khoa được xác định có giá trị trung bình khác biệt bằng  $3,67 > 1$  cho thấy năng lực của sinh viên với chương trình HLKINYK đáp ứng cao. Kết quả năng lực của sinh viên ở ngưỡng 75%, dựa trên ngưỡng thang điểm cao trong các lựa chọn trả lời, càng cho thấy mức độ năng lực của sinh viên với chương trình HLKINYK của sinh viên rất tốt, có nghĩa là sinh viên Y5 và Y6 được trang bị tương đối đầy đủ kiến thức kỹ năng y khoa khi thực hành tại bệnh viện. Chương trình HLKINYK do nhiều kỹ năng cấu thành: KNGT, KNTK, KNNT, KNXN. Kết quả thể hiện sự đáp ứng năng lực của sinh viên với chương trình HLKINYK cho thấy các kỹ năng thành phần này có sự liên kết chặt chẽ nhau. Sự đáp ứng cao năng lực học tập kỹ năng y khoa của SV Y5 và Y6 đều ở mức 86,6 - 86,7%, tỷ lệ này cũng tương đương với mức độ đáp ứng cao chung toàn bộ là 86,7%, cho thấy chương trình HLKINYK có đáp ứng với SV theo năm học. Sự đáp ứng của SV Y5 và Y6 về năng lực học tập kỹ năng y khoa ở mức cao và giống nhau giữa hai nhóm.

Phân tích cảm nhận của sinh viên chương trình HLKINYK, cụ thể là năng lực học tập kỹ năng y khoa (gọi tắt là cảm nhận) của chính bản thân họ, xem xét mối liên hệ giữa những sinh viên có cảm nhận tốt thì có tương quan với năng lực học tập kỹ năng y khoa. Phân tích bằng kiểm định T một mẫu cho kết quả giá trị khác biệt trung bình bằng  $1,89 > 1$  cho thấy có sự cảm nhận tốt của sinh viên đối với năng lực học tập kỹ năng y khoa ( $p < 0,001$ ). Mức độ cảm nhận của SV về năng lực học tập kỹ năng y khoa rất tốt, có nghĩa là sinh viên Y5 và Y6 nhận thức được vai trò của chương trình HLKINYK, hiểu được muốn đạt KQHT chương trình HLKINYK tốt thì phải xác định được động cơ đúng đắn trong học tập, phải có sự hứng thú, quan tâm chu đáo, đánh giá đúng ý nghĩa của việc học ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng chương trình HLKINYK của bản thân khi thực hiện các kỹ năng y khoa trong khám bệnh và điều trị.

Giá trị trung bình khác biệt của sinh viên Y5 và Y6 lần lượt là 1,25 và 2,51. Cả hai giá trị này đều mang giá trị dương cho thấy sinh viên Y5 và Y6 đều có cảm nhận tốt về chương trình HLKINYK

với  $p_{Y5} = 0,021 < 0,05$  và  $p_{Y6} < 0,001$ .

Đánh giá sự ảnh hưởng về cảm nhận của nhóm SV Y5 và Y6 với mức độ đáp ứng năng lực học tập kỹ năng y khoa có cảm nhận tốt hay không tốt đều cho mức độ đáp ứng cao khoảng 84,8% đến 87,7% về năng lực học tập kỹ năng y khoa. SV có cảm nhận tốt có mức độ đáp ứng thấp về năng lực học tập kỹ năng y khoa thấp hơn so với SV có cảm nhận không tốt (12,3% so với 15,2%).

#### KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu được thực hiện trên 462 SV Y5 và Y6 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ để đánh giá mức độ đáp ứng chương trình huấn luyện kỹ năng y khoa rút ra các kết luận sau: giá trị trung bình khác biệt bằng  $3,67 > 1$ , cho thấy năng lực của sinh viên với chương trình HLKKNYK đáp ứng cao ở ngưỡng 75%. Đáp ứng cao năng lực học tập kỹ năng y khoa của SV Y5 và Y6 đều ở mức 86,6 - 86,7%. Sinh viên Y5 và Y6 đều có cảm nhận tốt về chương trình HLKKNYK với giá trị trung bình khác biệt của sinh viên Y5 và Y6 lần lượt là 1,25 ( $p_{Y5} = 0,021 < 0,05$ ) và 2,51 ( $p_{Y6} < 0,001$ ). Sinh viên Y5 và Y6 có cảm nhận tốt ở mức độ đáp ứng cao về năng lực học tập kỹ năng y khoa.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. E Al-Jishi, NA Khalek, Hamdy., H. (2009). "Students' Perceptions of the Effectiveness of a Professional Skills Program in Preparation for Clerkship Training", Education for Health, 22(2), pp. 1 - 7.
2. Elisabeth A van Hell, Jan B M Kuks, Johanna Schoonrock-Adema, Mirjam T van

Lohuizen, Cohen-Schotanus. J. (2008). "Transition to clinical training: influence of pre-clinical knowledge and skills, and consequences for clinical performance", Medical Education, 42, pp. 830-837.

3. J S Ker (2003). "Developing professional clinical skills for practice - the results of a feasibility study using a reflective approach to intimate examination", Medical Education, 31(Suppl. 1), pp. 34 - 41.

4. Lillnberis H, Brouwer HJ, Mollrs J. (1992). "Reason for Encounter-, Episode- and Process-Oriented Standard Output from the Transition Project", Hutsarts en Wetenschap, 35(4), pp. 175 - 177.

5. Luiz Ernesto de Almeida Troncon (2004). "Clinical skills assessment: limitations to the introduction of an "OSCE" (Objective Structured Clinical Examination) in a traditional Brazilian medical school", Sao Paulo Medical Journal, 122(1), pp. 12 - 17.

6. Luu Ngoc Hoat, Do Van Dung, and E Pamela Wright (2007). "Practicing doctors' perceptions on new learning objectives for Vietnamese medical schools", BMC Medical Education, 7(19), pp. 1 - 12.

7. Luu Ngoc Hoat, Nguyen Minh Son, and E Pamela Wright (2008). "Perceptions of graduating students from eight medical schools in Vietnam on acquisition of key skills identified by teachers", BMC Medical Education, 8(5), pp. 1 - 10.

8. Mohammad Jalili, Azim Mirzazadeh, Apameh Azarpira (2008). "A survey of medical students' perceptions of the quality of their medical education upon graduation", Ann Acad Med Singapore, 37(12), pp. 1012 - 1018.

## THỰC TRẠNG KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA ĐỘI NGŨ BÁC SĨ BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

NGUYỄN THÙY DUNG<sup>1</sup>, TRỊNH NGỌC THẠCH<sup>2</sup>  
<sup>1</sup>Bệnh viện Đại học Y Hà Nội  
<sup>2</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

#### TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm khảo sát thực trạng kỹ năng nghiên cứu khoa học và yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học (NCKH) của đội ngũ bác sĩ Bệnh viện Đại học Y Hà Nội từ năm 2018 - 2020. Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi để khảo sát 66 bác sĩ tại 07 đơn vị

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thùy Dung

Email: dungnt0543@hmu.edu.vn

Ngày nhận: 08/3/2021

Ngày phản biện: 12/4/2021

Ngày duyệt bài: 22/4/2021

thuộc Bệnh viện Đại học Y Hà Nội và thực hiện các cuộc phỏng vấn với 10 cán bộ quản lý. Trong thời gian 3 năm, trung bình mỗi bác sĩ có 1,7 lượt tham gia đề tài các cấp, 2,6 lượt công bố công trình khoa học trên tạp chí trong nước và 0,8 lượt công bố công trình khoa học trên tạp chí quốc tế. Bác sĩ tự đánh giá phần lớn kỹ năng NCKH ở mức Khá. Các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng hoạt động phát triển kỹ năng NCKH của bác sĩ trong những năm qua. Kết quả nghiên cứu tạo cơ sở để đề xuất các giải pháp phát triển kỹ năng NCKH phù